

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 317/BC-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum

“2. Tổng mức vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 - 2020


Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum (*chưa tính các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, trái phiếu Chính phủ, vốn nước ngoài, ... thuộc thẩm quyền phân bổ của Trung ương*) sau khi điều chỉnh là **5.969.452** triệu đồng; trong đó, phân bổ chi tiết để thực hiện các dự án là **5.902.704** triệu đồng và dự phòng để xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công là **66.748** triệu đồng, chi tiết như tại các Phụ lục số 01, 02, 03 và 04 kèm theo.

Đối với phần vốn dự phòng được phân bổ để xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện khi đảm bảo được nguồn vốn cân đối.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 23 tháng 10 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban công tác Đại biểu Quốc hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*Vụ Pháp chế*);
- Bộ Tài chính (*Vụ Pháp chế*);
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra Văn bản QPPL*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Báo Kon Tum, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa

PHỤ LỤC 01
TỔNG CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
ĐO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số **50** /2020/NQ-HĐND ngày **27** tháng **10** năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 địa phương đã giao			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Tăng (+)/ Giảm (-)	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
			Phân bổ thực hiện	Dự phòng		Phân bổ thực hiện	Dự phòng		
	Tổng số	5.969.452	5.962.317	7.135	5.969.452	5.902.704	66.748		
I	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP	5.705.466	5.705.466		5.705.466	5.645.853	59.613		
1	Vốn đầu tư cân đối NSDP theo tiêu chí	2.809.567	2.809.567		2.809.567	2.809.567			
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	2.401.324	2.401.324		2.401.324	2.362.236	39.088		
3	Nguồn thu xổ số kiến thiết	491.111	491.111		491.111	470.586	20.525		
4	Nguồn bán cây đứng DA rừng bền vững Đắk Tô và hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước	3.464	3.464		3.464	3.464			
II	Nguồn vốn vay	99.041	99.041		99.041	99.041			
2	Vốn ODA vay lại theo quy định của Chính phủ	99.041	99.041		99.041	99.041			
III	Chi từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương	164.945	157.810	7.135	164.945	157.810	7.135		
1	Nguồn thu tiền quyền sử dụng rừng	44.137	44.137		44.137	44.137			
2	Các nguồn thu để lại khác	120.808	113.673	7.135	120.808	113.673	7.135		
-	Nguồn thu từ việc chuyển nhượng CSHT tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y và Công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn Đắk Tô	21.075	21.075		21.075	21.075			
-	Nguồn thu cho thuê lại quyền sử dụng đất gắn với sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN Hòa Bình	1.155	1.040	115	1.155	1.040	115		
-	Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	67.333	60.600	6.733	67.333	60.600	6.733		
-	Nguồn vượt thu thuế xuất nhập khẩu tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2.550	2.550		2.550	2.550			
-	Các nguồn vốn khác	28.695	28.408	287	28.695	28.408	287		

PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSDP GIAI ĐOẠN 2016-2020 ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
(Kèm theo Nghị quyết số SD /2020/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, nghị quyết năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Triển NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm			
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
															Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng				19.585.923	10.233.112	7.508.124	5.705.466	59.869	197.327	7.510.924	5.705.466	59.869	197.327	175.245	175.245	
A	PHẦN BỐ CHÍ TIẾT				19.585.923	10.233.112	7.508.124	5.705.466	59.869	197.327	7.451.311	5.645.853	59.869	197.327	115.632	175.245	
1	NGUỒN CÁN ĐÓI NSDP THEO TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI QĐ 40/2019/QĐ-TTG				12.987.317	4.042.287	4.479.520	2.809.587	48.232	197.327	4.472.329	2.809.587	48.232	197.327	66.750	66.750	
1.1	PHẦN CẤP CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ				28.460.000	1.727.000	1.201.926	1.163.153	16.600	50.294	1.236.926	1.198.153	16.600	50.294	35.000		Chỉ tiết tại Phụ lục số 03
1.2	CÁC KHOẢN TRẢ NỢ VAY, HỖ TRỢ KHÁC				235.500	180.450	77.700	59.400			77.700	59.400					
1	Vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cho chương trình kiến tạo hòa bình và giao thông nông thôn	Các chủ đầu tư	Tối ưu		235.500	180.450	77.700	59.400			77.700	59.400					
1.3	TRẢ NỢ				7.027.314	137.765	223.313	223.313	31.632	145.824	223.313	223.313	31.632	145.824			
a)	Các dự án hoàn thành hoặc dừng đầu tư				6.926.438	135.296	160.683	160.683	31.632	128.355	160.683	160.683	31.632	128.355			
1	Trà nơ Dự án Kê chống sạt lở bờ sông Đăk Pơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kon Rẫy	999-24/09/2010		134.458		732	732		732	732	732		732		
2	Dự án tuyến nam Quảng Nam (Tâm Kỳ-Trà My-Tác Pô Đăk Tô) đoạn qua địa bàn tỉnh Kon Tum (giai đoạn II)	Sở Giao thông vận tải	Tu Mơ Rông	1347-01/12/2010		841.135		6.670	6.670		6.670	6.670	6.670		6.670		
3	Đường từ Trung tâm thị trấn Đăk Glai đến trung tâm xã Xếp	UBND huyện Đăk Glai	Đăk Glai	214-10/3/2011		214.321		2.034	2.034		2.034	2.034	2.034		2.034		
4	Đường vào khu thương mại quốc tế	Ban quản lý Khu kinh tế	Ngọc Hồi	235-31/10/2008		590.052		399	399		399	399	399		399		
5	Đường D4 (Như đồ thị phía Bắc)	Ban quản lý Khu kinh tế	Ngọc Hồi	532-14/6/2011		819.888		2.347	2.347		2.347	2.347	2.347		2.347		
6	Đường N24 (đường vào khu công nghệ cao)	Ban quản lý Khu kinh tế	Ngọc Hồi	206-6/10/2008		73.448		905	905		905	905	905		905		
7	Đường N13 (Đoạn Km7+343 đến ngã tư thị trấn Pơ Kăn) - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Ban quản lý Khu kinh tế	Ngọc Hồi	462-20/5/2011		490.426		1.187	1.187		1.187	1.187	1.187		1.187		
8	Khu nghĩa trang Bờ Y	Ban quản lý Khu kinh tế	Ngọc Hồi	279-31/12/2008		20.619		71	71		71	71	71		71		
9	Hệ thống điện chiếu sáng đường NT18 và đường N5 Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Ban quản lý Khu kinh tế	Ngọc Hồi	535-31/5/2010		42.803		339	339		339	339	339		339		
10	Kê chống sạt lở sông Đăk Tô Kan (đoạn cầu 42)	UBND huyện Đăk Tô	Đăk Tô	1107-18/10/2010		116.904		127	127		127	127	127		127		
11	Trà nơ CBĐT dự án Nhà thi đấu đa năng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1335-29/10/2009		75.770		411	411		411	411	411		411		
12	Đường cứu hộ, cứu nạn từ trung tâm thị trấn Đăk Pơ đến xã Tân Lập, Đăk Rừng, Đăk Tô Rê, huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	1194-29/10/2010		344.333		5.860	5.860		5.164	5.860	5.860		5.164		
13	Đường vào khu công nghiệp - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Ban quản lý các dự án 98	Ngọc Hồi	152-09/11/2009		777.667		2.066	2.066		2.066	2.066	2.066		2.066		
14	Đường giao thông khu vực biên giới vào đồn biên phòng Hồ Lê (703) đến cửa khẩu phụ Hồ Đa	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	ta H'Drai	1536-31/12/2010		293.151		2.944	2.944		2.944	2.944	2.944		2.944		
15	Nâng cấp đường giao thông khu vực biên giới từ xã Đăk Man đến xã Đăk Bô	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	Đăk Glai	1537-31/12/2010		286.028		2.960	2.960		2.960	2.960	2.960		2.960		

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trên NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm			
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
															Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
16	Trà nơ CBĐT dự án Bô Tr, sắp xếp dân cư vùng thôn tá và vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Tư Mờ Rông	UBND huyện Tư Mờ Rông	Tư Mờ Rông	734-26/7/2010	662.590		1.360	1.360		1.360	1.360	1.360		1.360			
17	Đường vào khu du lịch Hồ Pô Kơng Đắk Hà	UBND huyện Đắk Hà	Đắk Hà	66-25/01/2008	23.351		1.001	1.001		1.001	1.001	1.001		1.001			
18	Khu dân cư Tỉnh ủy	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tư Mờ Rông	1063-07/10/2010	81.751		8.062	8.062		8.062	8.062	8.062		8.062			
19	Đường nông thôn liên xã và cầu Đắk Ang, huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	881-08/9/2011	55.354		9.535	9.535		9.535	9.535	9.535		9.535			
20	Đường liên xã Đắk Xu - Pô Kơng (điểm đầu nối với quốc lộ 14C và điểm cuối nối với Quốc lộ 40)	UBND huyện Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	1247-15/11/2011	48.156		1.520	1.520		1.520	1.520	1.520		1.520			
21	Đường Ngọc Tăm - Rô Mãnh, huyện Kon Plang	UBND huyện Kon Plang	Kon Plang	876-03/8/2008	54.481	5.754	4.204	4.204		4.204	4.204	4.204		4.204			
22	Sửa chữa nhà trưng bày triển lãm và Nhà Văn hóa Trưng Tam Văn hóa tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	405-274/2010	1.310	1.310	793	793		793	793	793		793			
23	Trung tâm dạy nghề huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	510-07/6/2012	17.519	8.519	2.091	2.091		2.091	2.091	2.091		2.091			
24	Trung tâm dạy nghề huyện Đắk Glei	UBND huyện Đắk Glei	Đắk Glei	1007-30/10/2012	14.576	2.576	4.683	4.683		4.683	4.683	4.683		4.683			
25	Trung tâm dạy nghề huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	525-12/6/2012	16.870	7.870	1.412	1.412		1.412	1.412	1.412		1.412			
26	Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật	Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật	Kon Tum	560-216/2011	14.061	14.061	2.218	2.218		2.218	2.218	2.218		2.218			
27	Thủy lợi Đăk Xu, huyện Đắk Hà	UBND huyện Đắk Hà	Đắk Hà	1600-16/12/2009	58.816	1.387	1.387	1.387		1.387	1.387	1.387		1.387			
28	Đường giao thông Đắk Kô - Đắk Pô	Sở Giao thông vận tải	Đắk Hà	439-10/5/2007 1338-27/10/09	192.749		24.474	24.474		24.474	24.474	24.474		24.474			
29	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa Đắk Hnia	BQL khai thác các công trình thủy lợi	Tư Mờ Rông	72-23/01/2014	9.823		411	411		411	411	411		411			
30	Dự án huyện Nam Quảng Nam (Tâm Kỳ - Trà My - Tân Phú - Đắk Tô) đoạn qua địa bàn tỉnh Kon Tum	Sở Giao thông vận tải	Tư Mờ Rông	1475-22/12/2010	159.851		13.107	13.107	1.218	11.889	13.107	13.107	1.218	11.889			
31	Hồ chứa nước Đắk Rô M Ga	Sở Nông nghiệp và PTNT	Đắk Tô	894-01/11/2013	129.374		2.404	2.404		2.404	2.404	2.404		2.404			
32	Thủy lợi Đắk Tơ	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	375-19/4/2010	83.613		771	771		771	771	771		771			
33	Khai thác đất bồi bổ sông Đắk Bô (đoạn thượng lưu)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kon Tum	427-01/7/2015	181.779	93.419	52.200	52.200	30.415	21.785	52.200	52.200	30.415	21.785			
b)	Các dự án đang thi công dở dang				190.876	2.469	30.469	30.469		17.469	30.469	30.469		17.469			
1	Trại sơ tán việc Ban quản lý rừng phòng hộ Tư Mờ Rông	BQL rừng phòng hộ Tư Mờ Rông	Tư Mờ Rông	126-15/02/2012	7.850	2.469	2.469	2.469		2.469	2.469	2.469		2.469			
2	Khai thác đất bồi bổ sông Pô Kô đoạn qua thị trấn Đắk Glei	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	Đắk Glei	565-04/0/2009	93.026		28.000	28.000		15.000	28.000	28.000		15.000			
c)	Trả nợ quyết toán các dự án hoàn thành khác						32.161	32.161			32.161	32.161					
1	Các dự án quyết toán hoàn thành khác	Các chủ đầu tư	Toàn tỉnh				32.161	32.161			32.161	32.161					
1.4	Bổ trí đối ứng các dự án ODA và dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương				1.885.512	428.714	1.720.416	184.545			1.718.849	182.978				1.567	
4)	Dự án ODA				1.658.142	373.314	1.632.286	174.165			1.630.719	172.598				1.567	
1	Dự án giảm nghèo Khu vực Tây nguyên - tỉnh Kon Tum	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Toàn tỉnh	551-31/10/2013	63.137	18.941	586.172	14.137			586.172	14.137					

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trên NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm			
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
												Thu hồi vốn ứng			Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi vốn ứng	
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên	Sở Nông nghiệp và PTNT	Toàn tỉnh	1734-BNN; 30/7/2013	272.727	15.146	106.191	28.833			105.191	28.833					
	Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa	BQL khai thác các công trình thủy lợi	Toàn tỉnh	4638/QĐ-BNN 9/1/2015	18.575	10.575	159.356	9.356			159.356	9.356					
	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam	Sở Nông nghiệp và PTNT	Toàn tỉnh	4229/QĐ-BNN-KH 25/10/2015	72.800	10.500	38.400	9.400			38.400	9.400					
	Dự án phát triển khu vực biên giới tỉnh Kon Tum - Đầu tư nâng cấp Tỉnh lộ 675A	Sở Kế hoạch và Đầu tư	ta H'Drai	669-14/7/2017	564.145	69.732	107.329	48.000			107.329	48.000					
	Mô hình quy mô nhỏ và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả giải đoạn 2016 - 2020	Trung tâm nước sạch sinh hoạt và VSMT nông thôn	Toàn tỉnh	3102/QĐ-BNN ngày 21/7/2016	36.360	19.360	187.061	17.000			187.061	17.000					
	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện II Kon Tum	Sở Y tế	Kon Tum; Ngọc Hồ	1121-22/5/2016; 1122-22/5/2016	24.363	4.207	21.716	1.566			21.716	1.566					
	Đổi ứng Tiểu dự án 2 Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2020 - EU tài trợ	Sở Công thương	Toàn tỉnh	1190-30/10/2018	76.386	16.368	65.000	5.000			65.000	5.000					
	Hồ chứa nước Đăk Pôkai (giai đoạn 1)	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	Kon Rẫy; Kon Tum	1211/31/10/2018	434.647	113.465	354.182	33.000			354.182	33.000					
	Vay tài trợ nước ngoài để thực hiện các dự án ODA	Các chủ đầu tư	Toàn tỉnh		95.000	95.000	7.879	7.879			6.312	6.312				1.567	
b)	Đổi ứng các dự án sử dụng vốn Trung ương				227.370	55.400	88.130	10.380			88.130	10.380					
	Dường giao thông từ thị trấn Đăk Glei đến xã Đăk Nhương	UBND huyện Đăk Glei	Đăk Glei	1432-16/12/2010	68.505	17.298	6.121	1.521			6.121	1.521					
	Thủy lợi làng Lũng	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	1085-30/10/2015 1168-06/10/16	85.611	12.911	77.050	4.000			77.050	4.000					
	Đầu tư xây dựng và hoàn thiện chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 - 2020	Văn phòng UBND tỉnh + Sở Thông tin và Truyền thông + Văn phòng Tỉnh Ủy	Toàn tỉnh	135-27/02/2017	47.732	20.732	500				500						
	Trong đó																
	Tiểu dự án 1: Các hạng mục do Khối Đảng thực hiện																
	Tiểu dự án 2: Các hạng mục do Khối Chính quyền thực hiện																
	Đổi ứng xây dựng 09 Nghĩa trang liệt sỹ trên địa bàn tỉnh	Sở LĐ-TBXĐ; UBND các huyện, thành phố	Toàn tỉnh	1073-19/4/2017	25.522	4.459	4.459	4.459			4.459	4.459					
1.5	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ				826.286	826.286	20.899	20.899			12.399	12.399				8.500	
1.6	THỰC HIỆN DỰ ÁN				2.456.231	1.939.331	1.125.275	1.048.257		1.209	1.139.825	1.070.007		1.209	31.750	10.000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				475.374	193.244	118.251	85.558			118.251	85.558					
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020				475.374	193.244	118.251	85.558			118.251	85.558					
1	Công trình phụ trợ Doanh trại Ban CHQS huyện Ngọc Hồ-Kon Rẫy	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Toàn tỉnh	3848-12/10/12	60.651		122	122			122	122					
2	Dường hầm Sở Chỉ huy cơ bản huyện Sa Thầy	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Sa Thầy	59-14/11/2013	21.177	21.177	2.170	2.170			2.170	2.170					
3	Bãi trường GPMB trại giam	Công an tỉnh Kon Tum	Kon Tum	2774/QĐ-H41-H45-21/5/2013	2.000	2.000	881	881			881	881					
4	Đã bảo tồn và phát triển Sân Ngọc Linh có sự tham gia của cộng đồng	City TNHH 1 TV làm nghiệp Đăk Tô (BQL dự án 5 triệu ha rừng)	Tu Mơ Rông	1824-23/12/2004; 1480-26/12/2007	1.000	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000					

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2015-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trên NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm			
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
								Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB				
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
5	Nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Kon Tum	Sở Khoa học và Công nghệ	Kon Tum	1053-16/10/2014	12.861	12.861	8.900	8.900			8.900	8.900					
6	Phòng thí nghiệm thực vật tại Trại thực nghiệm Kon Pong	Sở Khoa học và Công nghệ	Kon Pong	1052-16/10/2014	5.026	5.026	2.000	2.000			2.000	2.000					
7	Trường Tiểu học thị trấn Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	Đăk Glei	1113-30/10/2014	10.548	10.548	5.600	5.600			5.600	5.600					
8	Cấp nước sinh hoạt thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (hạng mục: mạng lưới đường ống cấp III)	UBND huyện Đăk Hà	Đăk Hà	803-13/8/2014	19.440	19.440	5.000	5.000			5.000	5.000					
9	Trường THCS xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	Ia H'Drai	1114-30/10/2014 1223-26/11/2015	4.996	4.996	2.580	2.580			2.580	2.580					
10	Thủy lợi Đăk Lũng	UBND huyện Kon Pong	Kon Pong	840-28/10/2013	47.912	23.912	7.762	7.762			7.762	7.762					
11	Đường Nguyễn Sinh Sắc nối dài (giai đoạn 2)	UBND huyện Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	1018-31/10/2012	23.757	23.757	21.390	10.696			21.390	10.696					
12	Trụ sở HĐND UBND xã Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	2208-29/12/2014	4.808	4.808	3.000	3.000			3.000	3.000					
13	Trụ sở HĐND UBND xã Sa Nhon	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	2209-29/12/2014	4.803	4.803	3.000	3.000			3.000	3.000					
14	Trụ sở HĐND-UBND xã Sa Nghĩa	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	2252-20/12/2014	4.856	4.856	4.448	4.448			4.448	4.448					
15	Nâng cấp tuyến đường Điện Biên Phủ, thị trấn Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	780-02/8/2010	121.860		19.000	9.500			19.000	9.500					
16	Đường Từ Mơ Rông - Ngọc Yêu	UBND huyện Từ Mơ Rông	Từ Mơ Rông	1505-28/12/2010	114.928	39.309	24.053	11.556			24.053	11.556					
17	Đường vào Nhà tang lễ tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	1133-30/10/2014	4.611	4.611	2.004	2.004			2.004	2.004					
18	Cải tạo, sửa chữa Nhà khách Quang Trung	Văn phòng Tỉnh ủy	Kon Tum	692-27/6/2016	10.130	10.130	5.340	5.340			5.340	5.340					
(2)	Các dự án hoàn thành sau năm 2020																
a)	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020					1.580.857	1.746.087	1.007.024	962.699		1.209	1.621.574	904.449		1.209	31.750	10.000
(f)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020					993.773,340	972.727,340	820.714	783.378		1.209	814.264	784.128		1.209	10.750	10.000
1	Cầu số 01 qua sông Đăk Bô, thành phố Kon Tum	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	1321-31/10/2016	96.088	96.088	86.400	86.400			86.400	86.400					
2	Cầu qua sông Đăk Bô (từ xã Vĩnh Quang đi phường Nguyễn Trãi, TP Kon Tum - Cầu số 3)	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	770-11/8/2017	121.522	121.522	88.000	88.000			88.000	88.000					
3	Đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử Ngọc Kon Tum	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	1153-31/10/2017	61.500	61.500	55.100	55.100			55.100	55.100					
4	Nhà trưng bày, giới thiệu cột mốc biên giới 03 nước Việt Nam - Lào - Campuchia	Ban quản lý Khu kinh tế	Ngọc Hồi	181-19/12/2016	731	731	620	620			620	620					
5	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Kon Tum	1011-03/10/2017	4.193	4.193	3.720	3.720			3.720	3.720					
6	Hội trường Báo Kon Tum và các hạng mục phụ trợ	Báo Kon Tum	Kon Tum	1188-30/10/2015	1.879	1.879	1.640	1.640			1.640	1.640					
7	Trường mầm non gần K54 của Trường Quân sự địa phương	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Kon Tum	1119-30/10/2016	950	950	800	800			800	800					
8	Đổ sục cơ sở vật chất doanh trại Trung đoàn 96999/QGS tỉnh Kon Tum	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Đăk Tô	1317-31/10/2016	12.380	12.380	10.900	10.900			10.900	10.900					
9	Đường hầm Sô chỉ huy cơ bản huyện Ngọc Hồi	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Ngọc Hồi	192-06/02/2017	32.978	32.978	28.450	28.450			28.450	28.450					
10	Thao trường bắn, thao trường huấn luyện cấp tỉnh Đăk Rơ Ngá	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Đăk Tô	463-31/5/2017	13.000	13.000	15.690	15.690			15.690	15.690					

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trên NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm			
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
															Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
11	Dự án xây dựng điểm chốt chặn đầu dân quân thường trực tại xã Bô Y, huyện Ngọc Hồi	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Ngọc Hồi	1344-25/11/2018	4.542	4.542	4.500	4.500			4.500	4.500					
12	Sửa chữa, nâng cấp đập Bà Trĩ, huyện Đắk Hà	BQL khai thác các công trình thủy lợi	Đắk Hà	1126-30/10/2015	26.400	26.400	22.505	22.505			22.505	22.505					
13	Nâng cấp, cải tạo kênh chính và công trình bên kênh chính Thủy lợi Đắk Hà, huyện Đắk Hà	BQL khai thác các công trình thủy lợi	Ngọc Hồi	838-28/10/2013	12.593	12.593	1.209	1.209		1.209	1.209	1.209			1.209		
14	Sửa chữa nâng cấp Thủy lợi Đắk Bô, huyện Đắk Tô	BQL khai thác các công trình thủy lợi	Đắk Tô	1056-30/10/2015	6.933	6.933	6.310	6.310			6.310	6.310					
15	Mở rộng trạm bơm Vĩnh Quang đảm bảo tưới cho cánh đồng Cà Tán	BQL khai thác các công trình thủy lợi	Kon Tum	1055-30/10/2015	15.008	15.008	13.500	13.500			13.500	13.500					
16	Nhà làm việc của Hạt Kiểm lâm huyện Ia H'Drai thuộc Chi cục Kiểm lâm Kon Tum	Chi cục Kiểm lâm	Ia H'Drai	134-30/10/2015	818	818	818	818			818	818					
17	Trạm kiểm dịch động vật Măng Khảnh	Chi cục Thú y	Đắk Glei	1206-31/10/2015	3.068	3.068	2.920	2.920			2.920	2.920					
18	Đầu tư hệ thống máy phát thanh FM 10kw và thiết bị phụ trợ	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	Kon Tum	1256-29/11/2018	4.718	4.718	4.700	4.700			4.700	4.700					
19	Sửa chữa trụ sở làm việc Liên minh Hợp tác xã (hạng mục: Sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ)	Liên hiệp các Hội KHKT	Kon Tum	138-30/10/2015	996	996	996	996			996	996					
20	Sửa chữa trụ sở làm việc Liên Minh Hợp tác xã (hạng mục: Sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ)	Liên minh hợp tác xã	Kon Tum	137A-12/8/2016	983	983	880	880			880	880					
21	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Kon Rẫy	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kon Rẫy	963-29/10/2015	16.219	16.219	13.305	13.305			13.305	13.305					
22	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Kon Plông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kon Plông	1193-30/10/2018	5.480	5.480	4.980	4.980			4.980	4.980					
23	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Đắk Tô	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đắk Tô	1192-30/10/2018	5.412	5.412	4.820	4.820			4.820	4.820					
24	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Đắk Hà	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đắk Hà	827-13/10/2015	16.219	16.219											
25	Trường PTDTNT huyện Ia H'Drai (giai đoạn 1)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ia H'Drai	1296-31/10/2016	19.812	19.812	17.240	17.240			17.240	17.240					
26	Đầu tư xây dựng bộ toilet tại các trường học trên địa bàn các huyện, thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Toàn tỉnh	1155-31/10/2017	40.560	40.560	36.100	36.100			26.100	26.100				10.000	
27	Trường THCS Liên Việt Kon Tum Thành phố Kon Tum (giai đoạn 2)	Sở Giáo dục và đào tạo	Kon Tum	1154-31/10/2017	39.800	39.800	28.793	28.793			28.793	28.793					Hoàn thành
28	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 675 (Km40-500 Km53-090) huyện Sa Thầy	Sở Giao thông vận tải	Sa Thầy	1125-30/10/2015	51.000	51.000	45.250	45.250			45.250	45.250					
29	Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Kon Tum	Sở Khoa học và Công nghệ	Kon Tum	1217-31/10/2019	25.000	25.000	22.500	22.500			22.500	22.500					
30	Gia cố mái taluy đất thuộc trụ sở làm việc Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Kon Tum	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Kon Tum	141-30/10/2015	740	740	702	702			702	702					
31	Nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ đã hy sinh trong chiến dịch tấn công Tròn năm 1956 và Chiến dịch Xuân - Hè năm 1962 trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Kon Tum	10-19/01/2017	950	950	805	805			805	805					
32	Kiến tạo hóa kênh chính, kênh cấp 1 và công trình bên kênh cấp 1 thuộc công trình Hồ chứa nước Đắk Rôm Ga, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum	Ban quản lý đầu tư xây dựng các dự án nông nghiệp và PTNT	Đắk Tô	1131-30/10/2015	39.900	39.900	35.400	35.400			35.400	35.400					
33	Trụ sở làm việc phòng công chứng số 2 tỉnh Kon Tum	Sở Tư pháp	Kon Tum	1288-28/10/2016	3.573	3.573	3.065	3.065			3.065	3.065					
34	Tôn tạo, phục dựng di tích lịch sử Ngọc Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1456-30/11/2016	35.951	35.951	32.400	32.400			32.400	32.400					
35	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Hồi từ 100 giường bệnh lên 250 giường bệnh	Sở Y tế	Ngọc Hồi	1149-31/10/2017	37.407	37.407	33.660	24.000			33.660	24.000					

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trên NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm			
								Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn ứng Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn ứng Thanh toán nợ XDCB					
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
36	Tường rào kiểm ga bảo vệ diện tích đất đai bởi thường thuộc Khu công nghiệp Sao Mai, thành phố Kon Tum	Trung tâm phát triển quỹ đất	Kon Tum	130-28/10/2015	882	882	881	881			881	881					
37	Vườn ươm khởi nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Trường Cao đẳng công cộng	Kon Tum	216-27/02/2018	6.928	6.928	6.900	6.900			6.900	6.900					
38	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Kon Tum	Trường Chính trị tỉnh	Kon Tum	1343-29/11/2018	6.169	6.169											
39	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Mường Hoong, huyện Đắk Gai	UBND huyện Đắk Gai	Đắk Gai	1017-29/10/2015	7.572	7.000	6.815	6.800			6.815	6.800					
40	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Đắk Bão, huyện Đắk Gai	UBND huyện Đắk Gai	Đắk Gai	1015-29/10/2015	6.880	6.880	6.190	6.190			6.190	6.190					
41	Trụ sở xã Đắk Ngà, Đắk Hà	UBND huyện Đắk Hà	Đắk Hà	1023-29/10/2015	6.669	6.669	4.600	4.600			4.600	4.600					
42	Trụ sở xã Đắk Long, Đắk Hà	UBND huyện Đắk Hà	Đắk Hà	1024-29/10/2015	6.830	6.830	4.800	4.800			4.800	4.800					
43	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô	UBND huyện Đắk Tô	Đắk Tô	1027-29/10/2015	9.311	7.000	8.380	6.969			8.380	6.969					
44	Bãi xử lý rác thải huyện Đắk Tô	UBND huyện Đắk Tô	Đắk Tô	854-30/8/2017	15.955	8.854	17.960	7.960			17.960	7.960					
45	Xây dựng điểm dân cư xã 64 (Trung tâm hành chính xã) thuộc xã La Tơ để thực hiện Đề án di dân, bổ trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện La H'rai	UBND huyện La H'rai	La H'rai	1295-31/10/2015 3978-HĐND-28/5/2019	41.875	34.813	38.580	22.330			38.580	29.530			7.200		
46	Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Măng Đen	UBND huyện Kon Plông	Kon Plông	1147-31/10/2017	60.800	60.800	54.500	54.500			54.500	54.500					
47	Trụ sở HĐND-UBND xã Măng Cành, huyện Kon Plông	UBND huyện Kon Plông	Kon Plông	1062-30/10/2015	6.000	6.000	5.400	5.400			5.400	5.400					
48	Trụ sở UBND xã Văn Xuôi, huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông	1047-29/10/2015	6.500	6.500	5.850	5.850			5.850	5.850					
49	Trụ sở UBND xã Tê Xăng, huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông	1046-29/10/2015	5.795	5.795	5.200	5.200			5.200	5.200					
50	Hỗ trợ NS thành phố xây dựng Cổng chào vào các ngõ thành phố Kon Tum (cổng phía Nam và phía Đông)	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	3847-30/10/2015	3.425	3.425	3.302	3.302			3.302	3.302					
51	Sửa chữa trụ sở làm việc Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Kon Tum	1183-30/10/2018	3.101	3.101	2.500	2.500			2.500	2.500					
52	Cải tạo trụ sở Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Kon Tum	1156-31/10/2017	3.228	3.228	2.800	2.800			2.800	2.800					
53	Nhà bảo vệ và nhà xe ô tô Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Kon Tum	1148-31/10/2017	2.401	2.401	2.100	2.100			2.100	2.100					
54	Cải tạo, sửa chữa và chỉnh trang Hội trường Ngọc Linh	Văn phòng UBND tỉnh	Kon Tum	1182-24/10/2019 726-30/7/2020	7.535	7.535	3.977	3.977			7.527	7.527			3.550		
55	Hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Đắk La, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum	Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh Kon Tum	Đắk Hà	234-14/3/2019	22.615	22.615	11.300	11.300			11.300	11.300					Chuyển từ nguồn thu sử dụng đất sang đầu tư từ nguồn cân đối theo tiêu chí
(7)	Các dự án hoàn thành sau năm 2020					997.044.000	773.360.000	186.311	179.321			207.311	200.321		21.000		
1	Đường và cầu từ tỉnh lộ 671 đi Quốc lộ 14	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	1185-10/10/2016		249.997	100.000	105.000	100.000			105.000	100.000				
2	Cầu số 02 qua sông Đắk Bĩa, thành phố Kon Tum	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	36/NG-HĐND, 24/9/2019		136.440	136.440	2.569	2.569			2.569	2.569				
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Sao Mai (giai đoạn 1)	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	Kon Tum	1264-22/11/2018		27.420	27.420	15.000	15.000			15.000	15.000				
4	Nâng cấp Bệnh viện Y được cấp huyện - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum lên 165 giường	Bệnh viện Y được cấp huyện - Phục hồi chức năng	Kon Tum	472-09/5/2019		60.000	60.000										

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Tài trợ NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm			
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
								Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB					
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
5	Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Toàn tỉnh	495-26/02/2018	50.000	50.000	26.372	26.372			26.372	26.372					
6	Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	52/NQ-HĐND, 10/12/2019	90.000	90.000	10.000	10.000			10.000	10.000					
7	Nhà trẻ đầu tổng hợp tỉnh Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	59-500	99.500	99.500	5.000	5.000			5.000	5.000					
8	Công viên khu vực đường Trường Quang Trung, thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	1124-30/10/2015	85.000	85.000	12.370	10.380			12.370	10.380					
9	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giải dân tại làng Xếp, xã Mã Rài, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy	395-244/2020	75.000	75.000	10.000	10.000			10.000	10.000					
10	Mua sắm trang thiết bị y tế để nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh từ bệnh viện hạng II lên bệnh viện hạng I quy mô 750 giường	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kon Tum	1326-22/11/2019	113.727	50.000					21.000	21.000			21.000		
17	BỔ TRÍ BỒI THƯỜNG GPMB				528.013	528.013	110.000	110.000			63.317	63.317				46.683	
1	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu phức hợp đô thị tại Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Kon Tum	68/TS-HĐND, 23/11/2018	108.937	108.937	40.000	40.000			30.000	30.000				10.000	Bồi thường, GPMB
2	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thể thao tại xã Đắk Rờ Wai, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Kon Tum	68/TS-HĐND, 23/11/2018	383.993	383.993	50.000	50.000			23.317	23.317				26.683	Bồi thường, GPMB
3	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ tại phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Kon Tum	68/TS-HĐND, 23/11/2018	35.083	35.083	20.000	20.000			10.000	10.000				10.000	Bồi thường, GPMB
II	NGUỒN BÀN CAY DỪNG DA RỪNG BIÊN VÙNG ĐẮK TÔ VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC				2.464	2.464	3.464	3.464			3.464	3.464					
-	Cấp vốn điều lệ cho doanh nghiệp	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô	Đắk Tô				1.000	1.000			1.000	1.000					
-	Trạm bảo vệ rừng, nhà ở tập thể người lao động làm công tác bảo vệ rừng Công ty TNHH MTV lâm nghiệp là HĐRai	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp là HĐRai	là HĐRai	522-136/2017	2.464	2.464	2.464	2.464			2.464	2.464					
III	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				5.312.459	5.305.397	2.429.904	2.401.324			2.400.816	2.382.236			48.882	87.970	
1	Phân cấp ngân sách các huyện, thành phố được hưởng						449.300	449.300			449.300	449.300					Chi tiết tại Phụ lục số 03
2	Chi phí quản lý đất đai	Các chủ đầu tư	Toàn tỉnh				47.000	47.000			47.000	47.000					
3	Bổ sung quỹ phát triển đất	Quỹ phát triển đất	Kon Tum				62.500	62.500			62.500	62.500					
4	Thu từ các dự án khai thác quỹ đất do lĩnh quản lý				5.312.459	5.305.397	1.871.104	1.842.524			1.842.016	1.803.436			48.882	87.970	
a	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				603.516	603.516	642.473	642.473			642.473	642.473					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020				603.516	603.516	642.473	642.473			642.473	642.473					
-	Dự án đầu tư hạ tầng phát triển quỹ đất Khu đô thị phía Nam cầu Đắk Bì, thành phố Kon Tum	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	1406-31/12/2014	803.516	803.516	642.473	642.473			642.473	642.473					
b	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				4.508.943	4.501.881	1.728.631	1.758.851			1.799.543	1.740.963			48.882	87.970	
(f)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020				482.013	474.851	422.050	393.470			380.650	342.070				51.400	

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú	
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trên NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm			
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
								Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB					
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
-	Hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh Kon Tum	Đăk Hà	234-14/3/2019	22.615	22.615											Chuyển sang đầu tư từ nguồn cân đối theo tiêu chí
-	Đường Nguyễn Hữu Cẩu nối dài (đoạn Trần Nhân Tông - Trường Chinh)	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	430-04/5/2019	30.800	30.800	27.682	27.682			27.682	27.682					
-	Sân vườn, đường nội bộ, quảng trường thuộc Khu trung tâm hành chính mới của tỉnh	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	909-28/10/2015	46.000	46.000	41.400	41.400								41.400	
-	Trụ sở làm việc của các Sở, ban ngành thuộc khối tổng hợp	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	913-22/8/2016	73.238	73.238	70.843	70.843			70.843	70.843					
-	Trụ sở làm việc của các Sở, ban ngành thuộc khối văn hóa xã hội	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	912-22/8/2016 510-23/5/2018 967-05/10/2020	151.743	151.743	139.365	139.365			139.365	139.365					
-	Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	910-28/10/2015	75.000	75.000	67.500	67.500			67.500	67.500					Chuyển sang đầu tư từ nguồn cân đối theo tiêu chí
-	Xây dựng điểm dân cư số 04 (Trung tâm hành chính và văn hóa xã hội) tại Tổ dân phố hiện tại xã dân, xã, thị trấn, sắp xếp dân cư từ trấn dân huyện là H.Đăk	UBND huyện là H.Đăk	là H.Đăk	1295-31/10/2016 30/7B-HĐND, 28/6/2019	41.875	34.813	38.580	10.000			38.580					10.000	
-	Đường giao thông đầu nối từ Khu dân cư Hoàng Thành ra Quốc lộ 24 theo hình thức BT	Nhà đầu tư	Kon Tum	735-05/7/2016	40.742	40.742	35.080	35.080			35.080	35.080					
(R)	Các dự án hoàn thành sau năm 2020				4.026.930.000	4.026.930.000	806.581	806.581			818.893	818.893			48.882	36.570	
-	Dự án khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại Trung tâm thể dục thể thao	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	1150-31/10/2017 26/7B-HĐND, 16/5/2019	197.223	197.223	77.000	77.000			77.000	77.000					
-	Dự án khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường tạo khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (đoạn từ Đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kôn Klor)	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	1507-30/10/2015	609.663	609.663	100.000	100.000			100.000	100.000					
-	Dự án khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường tạo khu dân cư phía Bắc thành phố Kon Tum (đoạn từ Đường Trần Phú đến cầu treo Kôn Klor)	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	1508-30/10/2015	605.689	605.689	100.000	100.000			100.000	100.000					
-	Khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng Khu du lịch Ngọc Kon Tum	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	889-22/8/2018	100.000	100.000	30.000	30.000			30.000	30.000					
-	Nhà ở xã hội - Nhà ở tái định cư	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	985-17/9/2018 967-05/10/2020	76.100	76.100	30.000	30.000			30.000	30.000					
-	Dự án đầu tư hạ tầng, tạo quỹ đất phát triển khu sản xuất theo quy hoạch	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	09/7B-HĐND, 14/3/2019	152.000	152.000	30.000	30.000			30.000	30.000					
-	Đường dẫn vào cầu số 03 qua sông Đăk Bă gần với chính trang đô thị	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	08/7B-HĐND, 14/3/2019; 11/7B-HĐND, 14/3/2019	87.000	87.000	30.000	30.000			30.000	30.000					
-	Đường dẫn vào cầu số 01 qua sông Đăk Bă gần với chính trang đô thị	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	08/7B-HĐND, 14/3/2019; 11/7B-HĐND, 14/3/2019	57.000	57.000	30.000	30.000			30.000	30.000					
-	Đường Trường Chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ - phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bă)	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	12/7B-HĐND, 14/3/2019	388.900	388.900	85.575	85.575			85.575	85.575					
-	Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu vực phía Nam sông Đăk Bă thuộc Đồ án quy hoạch chi tiết Khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum	Ban quản lý các dự án 98	Kon Tum	10/NQ-HĐND, 18/7/2019	620.000	620.000	100.000	100.000			100.000	100.000					
-	Dự án khai thác quỹ đất phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (giai đoạn I)	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	Ngọc Hồ	211-10/3/2016	42.275	42.275	38.000	38.000			38.000	38.000					
-	Chính trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Kon Tum	04/7B-HĐND, 25/9/2019	212.516	212.516	40.000	40.000			3.430	3.430				36.570	

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Tức NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm		
								Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
									Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi vốn ứng			Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
-	Chính trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sapo Mai	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Kon Tum	09/TB-HĐND, 14/9/2019	272.240	272.240	46.006	46.006			82.576	82.576			36.570		
-	Đầu tư cơ sở hạ tầng khai thác quỹ đất, mở rộng không gian đô thị Khu trung tâm phường Ngã Mây, thành phố Kon Tum	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Kon Tum	633-22/9/2018 304-05/4/2019	42.312	42.312	30.000	30.000			42.312	42.312			12.312		
-	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu phức hợp đô thị tại Phường Quảng Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Kon Tum	68/TB-HĐND, 23/11/2018	108.937	108.937	10.000	10.000			10.000	10.000					
-	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thể thao tại xã Đăk Rô Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Kon Tum	68/TB-HĐND, 23/11/2018	383.993	383.993	10.000	10.000			10.000	10.000					
-	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ tại phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Kon Tum	68/TB-HĐND, 23/11/2018	35.083	35.083	10.000	10.000			10.000	10.000					
-	Đường vào thôn 8, xã Đăk Tô Lung, huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	935-24/9/2020	35.999	35.999	10.000	10.000			10.000	10.000					
IV	NGUỒN THU XỐ SỔ KIẾN THIẾT				1.283.683	882.964	593.227	491.111	11.636		574.792	470.586	11.636			20.525	
IV.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				47.005	47.005	105.944	105.944			105.944	105.944					
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																
	THỰC HIỆN DỰ ÁN				47.005	47.005	105.944	105.944			105.944	105.944					
a	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020																
b	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				47.005	47.005	105.944	105.944			105.944	105.944					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020				47.005	47.005	105.944	105.944			105.944	105.944					
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT xã Đăk Chơng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đăk Chơng	992-29/10/2015	15.818	15.818	12.700	12.700			12.700	12.700					
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT xã Đăk Tân, huyện Kon Plông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kon Plông	994-29/10/2015	25.018	25.018	20.789	20.789			20.789	20.789					Hoàn thành
5	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Kon Tum	Trường Chính trị tỉnh	Kon Tum	1343-29/11/2018	6.169	6.169	6.000	6.000			6.000	6.000					
6	Phân cấp cho các huyện, thành phố (gồm ghép thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016 - 2020)						66.455	66.455			66.455	66.455					Chi tiết tại Phụ lục số 03
(2)	Các dự án hoàn thành sau năm 2020																
IV.2	Lĩnh vực y tế				908.189	548.451	368.040	266.132	6.517		347.524	245.608	6.517			20.525	
*	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ				121.630	121.630	1.300	1.300			1.300	1.300					
*	THỰC HIỆN DỰ ÁN				786.539	426.821	366.740	254.832	6.517		346.224	244.308	6.517			20.525	
a)	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				354.085	115.858	131.073	53.455	6.517		131.073	53.455	6.517				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020				354.085	115.858	131.073	53.455	6.517		131.073	53.455	6.517				

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Tỷ lệ NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm			
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
															Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
1	Nâng cấp bệnh viện Đa khoa tỉnh từ 400 giường bệnh lên 500 giường bệnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kon Tum	1340-01/11/2016	109.219	59.299	70.853	44.370	6.517		70.853	44.370	6.517				
2	Nâng cấp Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Kon Tum	Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng	Kon Tum	95-13/02/2015	47.170	47.170	5.695	5.695			5.695	5.695					
3	Đổi ứng dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2	Sở Y tế	Toàn tỉnh	1003-29/12/2015	197.696	9.389	54.525	3.390			54.525	3.390					
(d)	Các dự án hoàn thành sau năm 2020																
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020																
(f)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020																
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh (hàng mục: Hệ thống cấp nước cho 7 dãy ngoại trú và sửa chữa lò đốt rác y tế Hoval MZ)	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kon Tum	605-17/8/2015	1.176	1.000	1.176	1.000			1.176	1.000					
2	Trạm Y tế xã Đắk Pá	Sở Y tế	Đắk Hà	995-29/10/2015	2.166	2.156	1.949	1.949			1.949	1.949					
3	Trạm Y tế xã Đắk Heng	Sở Y tế	Đắk Hà	995-29/10/2015	2.110	2.110	1.899	1.899			1.899	1.899					
4	Đầu tư xây dựng Trạm y tế xã Ia Dại, huyện Ia H'Drai	Sở Y tế	Ia H'Drai	1005-01/5/2016	3.795	3.795	3.415	3.415			3.415	3.415					
5	Trạm y tế xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	Sở Y tế	Ia H'Drai	1005-01/5/2016	3.657	3.657	3.291	3.291			3.291	3.291					
6	Cải tạo mở rộng CSHT và bổ sung trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa huyện Đắk Glei	Sở Y tế	Đắk Glei	1002-29/10/2015	13.846	13.846	12.461	12.461			12.461	12.461					
7	Cổng, nhà trù, đường bộ lòng nội bộ Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Hồi	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Hồi	Ngọc Hồi	1299-31/10/2016	1.135	1.000	1.022	900			1.022	900					
8	Cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng và bổ sung thiết bị y tế cho Trạm Y tế xã Tân Cảnh, huyện Đắk Tô	Sở Y tế	Đắk Tô	1314-31/10/2016	1.996	1.996	1.746	1.746			1.746	1.746					
9	Cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng và bổ sung thiết bị y tế cho Trạm Y tế xã Vĩnh Quang, thành phố Kon Tum	Sở Y tế	Kon Tum	1313-31/10/2016	2.329	2.329	2.060	2.060			2.060	2.060					
10	Trạm Y tế xã Ia Đom, huyện Ia H'Drai	Sở Y tế	Ia H'Drai	854-19/10/2015	3.795	3.795	66	66			66	66					
11	Đầu tư xây dựng công trình Trạm Y tế xã Đắk Long, huyện Đắk Hà	Sở Y tế	Đắk Hà	854-19/10/2015	3.795	3.795	53	53			53	53					
12	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh lên 750 giường bệnh (giai đoạn I)	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kon Tum	1144-31/10/2017	99.800	99.800	88.588	88.588			88.588	88.588					
13	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Hồi từ 100 giường bệnh lên 250 giường bệnh	Sở Y tế	Ngọc Hồi	1149-31/10/2017	37.407	37.407	33.660	9.660			33.660	9.660					
14	Trạm y tế xã Ngọc Linh huyện Đắk Glei	Sở Y tế	Đắk Glei	1016-23/6/2019	5.000,00	5.000,00	5.000	5.000			5.000	5.000					
15	Đổi ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn	Sở Y tế	Toàn tỉnh	3628-28/8/2019	69.775,00	2.322,00	2.322	2.322			2.322	2.322					
16	Cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng và bổ sung trang thiết bị y tế cho Trạm Y tế xã Chư Heng, thành phố Kon Tum	Sở Y tế	Kon Tum	854-19/10/2015	2.371	2.371											
17	Cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng và bổ sung thiết bị y tế cho Trạm Y tế xã Ngọc Rào, huyện Đắk Hà	Sở Y tế	Đắk Hà	854-19/10/2015	1.996	1.996	1.746	1.746			1.746	1.746					
18	Cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng và bổ sung thiết bị y tế cho Trạm Y tế thị trấn Pa Kien, huyện Ngọc Hồi	Sở Y tế	Ngọc Hồi	854-19/10/2015	1.996	1.996											
19	Cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng và bổ sung thiết bị y tế cho Trạm Y tế xã Đắk Cẩm, thành phố Kon Tum	Sở Y tế	Kon Tum	854-19/10/2015	1.996	1.996											
20	Cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng và bổ sung thiết bị y tế cho Trạm Y tế thị trấn Đắk Rm, huyện Kon Rẫy	Sở Y tế	Kon Rẫy	854-19/10/2015	1.996	1.996											

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao				Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 điều chỉnh				Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Tĩnh NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		NSDP điều chỉnh tăng	NSDP điều chỉnh giảm			
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
															Thu hồi vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	12	13	14	15	12	13	14	15	16	17	18
21	Cải tạo, mở rộng cơ sở hạ tầng và bổ sung thiết bị y tế cho Trạm Y tế xã Sa Bình, huyện Sa Thầy	Sở Y tế	Sa Thầy	854-19/10/2015	1.996	1.996	1.745	1.745			1.745	1.745					
22	Phân trạm Y tế thôn 9, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	Sở Y tế	Ia H'Drai	1157-31/10/2017	4.600	4.600	3.951	3.951			3.951	3.951					Hoàn thành
(2)	Các dự án hoàn thành sau năm 2020				173.727.000	118.000.000	69.525	69.525			49.000	49.000				20.525	
1	Nâng cấp Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum lên 155 giường	Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng	Kon Tum	472-05/5/2019	60.000	60.000	20.000	20.000			20.000	20.000					
2	Mua sắm trang thiết bị y tế để nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh từ bệnh viện hạng II lên bệnh viện hạng I quy mô 750 giường	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kon Tum	1326-22/11/2019	113.727	50.000	49.525	49.525			29.000	29.000				20.525	Chuyển sang sử dụng nguồn cân đối theo tiêu chí
IV.3	Lĩnh vực công cộng và phúc lợi xã hội				328.599	287.508	121.234	119.034	5.119		121.234	119.034	5.119				
*	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ				54.096	54.096	500	500			500	500					
*	THỰC HIỆN DỰ ÁN				274.413	233.412	120.734	118.534	5.119		120.734	118.534	5.119				
a)	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020				214.803	173.802	54.819	54.819	5.119		54.819	54.819	5.119				
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020				214.803	173.802	54.819	54.819	5.119		54.819	54.819	5.119				
1	Kho lưu trữ hiện vật Bảo tàng tổng hợp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	952-25/11/2013	4.997	4.997	2.200	2.200			2.200	2.200					
2	Nhà làm việc và Trung tâm sản xuất chương trình thuộc Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Kon Tum	Đài PTTH tỉnh	Kon Tum	1002-05/10/2014	86.390	45.389	23.183	23.183	5.119		23.183	23.183	5.119				
3	Sân vận động tỉnh (giai đoạn 2, hạng mục mái che khán đài A)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1087-16/10/2018	123.416	123.416	29.436	29.436			29.436	29.436					
(2)	Các dự án hoàn thành sau năm 2020																
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020				59.610	59.610	65.915	63.715			65.915	63.715					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020				59.610	59.610	65.915	63.715			65.915	63.715					
1	Đài Truyền thanh huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	Ia H'Drai	1038-29/10/2015	5.514	5.514	5.500	3.300			5.500	3.300					
2	Trung bày bảo tàng ngoài trời	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	Kon Tum	1203-31/10/2018	19.096	19.096	2.060	2.060			2.060	2.060					
3	Hiện đại hóa trang thiết bị Trung tâm sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình và hệ thống tổng khống chế	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	Kon Tum	960-28/9/2017	35.000	35.000	31.200	31.200			31.200	31.200					
4	Phân cấp cho các huyện để đầu tư nhà văn hóa, thể thao huyện	Các huyện					27.155	27.155			27.155	27.155					Chi tiết tại Phụ lục số 03
(2)	Các dự án hoàn thành sau năm 2020																
B	DỰ PHÒNG CHỨA PHẢN BÓ										59.613	59.613			59.613		
	Trong đó																
1	Nguồn cân đối theo tiêu chí định mức																
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất										39.088	39.088			39.088		
3	Nguồn thu xổ số kiến thiết										20.525	20.525			20.525		

PHỤ LỤC 03
PHÂN CẤP ĐẦU TƯ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TRONG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 50 /2020/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng số	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg													Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Nguồn thu XSKT			Ghi chú	
			Tổng	Trong đó													Tổng	Trong đó			
				Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 24/2015/NQ-HĐND	Phân cấp đầu tư vùng kinh tế động lực	Phân cấp đầu tư các xã biên giới	Phân cấp đầu tư thực hiện QĐ 755	Phân cấp đầu tư các xã trọng điểm ĐBKK	Phân cấp đầu tư các công trình giao đức (lồng ghép thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	Phân cấp hỗ trợ, bổ sung khác (1)	Các khoản bổ sung mới	Trong đó						Phân cấp đầu tư các công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học	Phân cấp đầu tư các công trình giáo dục (lồng ghép thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)		Phân cấp đầu tư nhà văn hóa, thể thao huyện
												Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo QĐ22	Hỗ trợ thực hiện CT MTQG xây dựng NTM	Đầu tư các công trình cấp bách khác	Đầu tư các công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học						
	Tổng số	1.741.063	1.198.153	430.350	150.000	65.000	9.998	17.000	79.160	208.600	238.044	1.687	10.000	219.164	7.193	449.300	93.610	66.455	27.155		
1	Thành phố Kon Tum	443.296	251.976	87.900	100.000		373		16.170	20.000	27.533	33	2.500	25.000		177.750	13.570	13.570			
2	Huyện Đăk Hà	128.668	96.393	37.240			400	3.500	6.850	20.000	28.403	153	3.250	25.000		19.750	12.525	5.755	6.770		
3	Huyện Đăk Tô	127.638	101.208	39.050			1.403	3.500	7.180	21.000	29.075	153	1.500	25.000	2.422	20.400	6.030	6.030			
4	Huyện Tu Mơ Rông	110.925	98.515	42.140			981		7.750	20.000	27.644	480		27.164		5.900	6.510	6.510			
5	Huyện Ngọc Hồi	229.367	143.207	36.020	25.000	25.000	434	3.500	6.630	20.000	26.623	68	1.000	25.000	555	80.600	5.560	5.560			
6	Huyện Đăk Glei	131.920	110.580	44.550		15.000	2.000	3.800	8.190	20.000	17.040	406		15.000	1.634	7.500	13.840	6.880	6.960		
7	Huyện Sa Thầy	136.650	100.240	41.520		10.000	1.130	1.700	7.640	20.000	18.250	160	1.250	15.000	1.840	23.300	13.150	6.410	6.740		
8	Huyện Ia H'Drai	156.066	106.866	31.740		15.000	1.685		5.840	27.600	25.001	1		25.000		44.300	4.900	4.900			
9	Huyện Kon Rẫy	92.606	79.821	31.740			601	1.000	5.840	20.000	20.640	140	500	20.000		1.200	11.585	4.900	6.685		
10	Huyện Kon Plong	183.886	109.346	38.450	25.000		991		7.070	20.000	17.835	93		17.000	742	68.600	5.940	5.940			

Ghi chú:

(1) Đã bao gồm 1.000 triệu đồng tiền thưởng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và 7.600 triệu đồng hỗ trợ xây dựng đường và điện vào thôn 1 xã Ia Tô đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương

PHỤ LỤC 04

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 - NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHƯA ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*(Kèm theo Nghị quyết số **SO** /2020/NQ-HĐND ngày **27** tháng **10** năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020			Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm	Trong đó		Tổng số	Trong đó: NSDP		
							Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	
	TỔNG SỐ						395.872	81.277	166.871	164.945	15.000	
	PHÂN BỐ CHI TIẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN						395.872	81.277	159.736	157.810	15.000	
I	Nguồn thu từ việc chuyển nhượng CSHT tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y và Công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn Đắk Tô						24.083	24.083	22.475	21.075		
-	Nâng cấp đường D8 Khu I, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	Ngọc Hồi		2016-	504-12/5/2016	9.102	9.102	8.992	8.992		
-	Tuyến đường liên khối (từ khối 1 đi khối 7) thị trấn Đắk Tô	UBND huyện Đắk Tô	Đắk Tô		2017-	603-28/06/2017	14.981	14.981	13.483	12.083		
II	Nguồn vượt thu thuế XNK tại cửa khẩu						3.418	2.550	3.076	2.550		
-	Khắc phục, sửa chữa đường nội bộ Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	Ngọc Hồi		2017-	2667-28/10/2016	3.418	2.550	3.076	2.550		
III	Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y						250.000		60.600	60.600	15.000	
-	Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	Ngọc Hồi		2010-	153-11/11/09	250.000		60.600	60.600	15.000	
IV	Nguồn thu để lại của các đơn vị sự nghiệp công lập						118.371	54.644	29.448	29.448		
1	Nguồn khai thác trích dưỡng nhựa thông các năm 2010, 2011, 2012, 2013						1.716	1.716	1.608	1.608		
-	Bể nước phòng cháy, chữa cháy của BQL rừng phòng hộ Đắk Hà	Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Hà	Đắk Hà		2016-2020	349-05/4/2016	622	622	622	622		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020			Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm	Trong đó		Tổng số	Trong đó: NSDP		
							Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	
-	Sửa chữa nhà làm việc BQL rừng phòng hộ Đắk Nhoong	Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Nhoong	Đắk Glei		2016-2020	78-09/06/2017	1.094	1.094	986	986		
2	Nguồn thu cho thuê lại quyền sử dụng đất gắn với sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN Hòa Bình						1.128	1.128	1.040	1.040		
-	Hệ thống quan trắc nước thải tự động tại nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Hòa Bình - giai đoạn 1	Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng Khu kinh tế	Kon Tum		2017-	145-06/03/2017	1.128	1.128	1.040	1.040		
3	Nguồn thu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh						115.527	51.800	26.800	26.800		
-	Nhà cầu nối giữa khoa khám bệnh với Khu điều trị của Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Kon Tum		2017-	842-02/8/2016	1.800	1.800	1.600	1.600		
-	Mua sắm trang thiết bị y tế để nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh từ bệnh viện hạng II lên bệnh viện hạng I quy mô 750 giường bệnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Kon Tum		2019-	41/NQ-HĐND, 24/9/2019	113.727	50.000	25.200	25.200		
V	Nguồn thu tiền quyền sử dụng rừng						500.177		44.137	44.137		
-	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện Ia H'Drai để đầu tư 3 công trình Trụ sở HĐND-UBND 3 xã Ia Dal, Ia Dom và Ia Toi	UBND huyện Ia H'Drai	Ia H'Drai		2017-				9.843	9.843		
-	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện Kon Plong để đầu tư hệ thống cấp nước khu quy hoạch rau hoa xứ lạnh	UBND huyện Kon Plong	Kon Plong						939	939		
-	Đường từ Sê San 3 đi QL 14C huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	Ia H'Drai			1159-29/9/09	500.177		27.358	27.358		
-	Hỗ trợ ngân sách huyện Sa Thầy thực hiện các dự án cấp bách	UBND huyện Sa Thầy	Sa Thầy						5.997	5.997		
*	DỰ PHÒNG								7.135	7.135		